

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 864/2023/DS-PT

Ngày: 26-12-2023

*V/v tranh chấp thừa kế, yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 410/2023/TLPT- DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “*tranh chấp thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 3081/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1958; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1949; cư trú tại: D, P, A V, Australia (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Thanh T1; cư trú tại: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1967; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Mai Thị Ngọc O, sinh năm 1994; cư trú tại: số E H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ;

3. Bà Trần Thu Bích T3 (Trần Thu Bích T4, Trần Thị Bích T5), sinh năm 1963; cư trú tại: A F, N, C V, A;

Đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà T5: Bà Nguyễn Thị Ngọc T (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp T, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

5. Bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1959; cư trú tại: 8 đường C phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Cẩm H3, sinh năm 1965; cư trú tại: số A đường L, ấp A, xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1961; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ;

Đại diện theo ủy quyền của ông K: bà Nguyễn Thị Ngọc T (có mặt);

8. Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Trung N – Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tấn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có cùng ý kiến trình bày như sau:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Tấn P (chết năm 1982) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1977) có để lại phần di sản thừa kế bao gồm các thửa đất số 447, 444, 465 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 cấp ngày 20/12/1995 do ông Nguyễn Tấn T2 đứng tên, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Phần đất này có nguồn gốc đất từ cha mẹ bà mua lại của bà Nguyễn Kim N1 (chết). Khi cha mẹ còn sống thì cha mẹ bà sử dụng trồng cam, khi cha mẹ mất thì ông T6 và gia đình ông T6 ở chung với cha mẹ sử dụng, lúc ở chung với cha mẹ bà cũng thường xuyên phụ giúp cha mẹ bà trồng cam và sử dụng phần đất.

Ông P và bà B có tổng cộng 05 người con:

1. Nguyễn Văn T7 (đã chết) (những người thừa kế của ông T7 bao gồm Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Thị Ngọc Y; Trần Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Cẩm H3, Nguyễn Thị Ngọc H2);

2. Nguyễn Thị Ngọc H;

3. Nguyễn Thị Ngọc T;

4. Nguyễn Thị Ngọc H4 (chết) có 2 người con là người thừa kế là ông Nguyễn Anh K, bà Nguyễn Thị Thu H1;

5. Nguyễn Thị Ngọc T8 (chết) con là người thừa kế là bà Trần Thị Bích T5 (Trần Thu Bích T3).

Các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Thị Thu H1 (là thừa kế thế vị của bà H4); bà Trần Thị Bích T5 cùng thống nhất yêu cầu mỗi người được chia 1/5 diện tích 1580,5m² đất tại thửa đất số 447 sau khi trừ diện tích phần mộ 54,45m², tương ứng với 305,2m², vị trí tính từ cạnh giáp phần đất bà Nguyễn Kim N2 theo như bản trích đo địa chính số 02/TTKTTNMT ngày 08/02/2022 đã thể hiện, còn lại phần diện tích 1/5 của thửa 447 và các thửa 444, thửa 465 thì giao lại cho các người con thuộc hàng thừa kế của ông T7 quản lý sử dụng, còn việc phân chia tài sản của các con ông T7 như thế nào thì do các anh em họ tự quyết định.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T2 trình bày:

Hiện ông đang đứng tên thửa đất số thửa đất số 447, 444, 465 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 cấp ngày 20/12/1995, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Phần đất này có nguồn gốc đất do ông bà nội ông để lại là ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị B, ông ở chung với ông bà nội cùng sử dụng trồng lúa, đến năm 1995 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, ông không đồng ý với yêu cầu của bà T và những nguyên đơn khác, do đất ông canh tác từ trước đến nay và đã được cấp giấy.

Ông P và bà B có tổng cộng 5 người con: Nguyễn Văn T7 (chết) có 5 người con; bà Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc H4 (chết) có 2 người con Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Thu H1; Nguyễn Thị Ngọc T8 (chết) con là Trần Thu Bích T3).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Trần Thị Bích T5 thống nhất yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được chia một phần di sản của ông bà ngoại để lại, yêu cầu được nhận 1/5 thửa đất 447 sau khi trừ diện tích phần mộ 54,45m², tương ứng với 305,2m². Đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

- Nguyễn Thị Ngọc Y; Trần Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Cẩm H3, Nguyễn Thị Ngọc H2 không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án. Đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện P có ý kiến: Đất cấp cho ông Nguyễn Văn T9 theo đúng trình tự thủ tục quy định. Đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc H. Chấp nhận yêu cầu được chia thừa kế của những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Trần Thu Bích Thị .

1. Xác định phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 4.497,5m² bao gồm các thửa đất số 447, 444, 465 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 cấp ngày 20/12/1995, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Tấn T2 đứng tên là di sản thừa kế của ông P và bà B để lại. Công nhận các đương sự bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H4 (chết) có 2 người con là người thừa kế thế vị Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Ngọc T8 (chết) con là người thừa kế thế vị Trần Thu Bích T3), ông Nguyễn Văn T7 (chết) các con là là người thừa kế thế vị Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Thị Ngọc Y; Trần Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Cẩm H3, Nguyễn Thị Ngọc H2 được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản mà ông P, bà B để lại. Cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận phần đất có diện tích 1220,8m² tại thửa đất số 447 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 cấp ngày 20/12/1995, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Tấn T2 đứng tên. Vị trí tính từ đường đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái hiện hữu (3,5m), bên phải giáp đất bà Nguyễn Kim N2; chiều dọc phần đất là 40,32m, kéo từ phải sang trái cạnh giáp đường đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái hiện hữu và cạnh giáp Rạch đủ diện tích 1.220,8m².

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ngọc H tương ứng với số tiền 763.000.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Anh K, bà Nguyễn Thị Thu H1 tương ứng với số tiền 763.000.000 đồng, trả cho Bà Trần Thu Bích T3 (Tran Thu Bich T4) tương ứng với số tiền 763.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Tấn T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 305,2m² tại thửa đất số 447 vị trí còn lại tính từ cạnh giáp phần đất bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được nhận và được tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất số 444, 465, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ kiện khác.

(Vị trí, kích thước được xác định theo như bản trích đo địa chính số 02/TTKTTNMT ngày 08/02/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C – đính kèm bản án).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất và tách thửa theo quy định của pháp luật.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận các cây trồng trên diện tích 1220,8m² tại thửa đất số 447 và phải trả số tiền 374.402.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng) cho ông Nguyễn Tấn T2.

3. Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 447, 444, 465 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 cấp ngày 20/12/1995, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Tấn T2 đứng tên.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền quản lý, chăm sóc phần đất nhà mộ diện tích 54,45m² trên thửa đất số 447. Các đương sự khác được quyền thăm nom, chăm sóc các phần mộ của gia đình mình trong nhà mộ đúng theo phong tục, tập quán.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/05/2023, bà Nguyễn Thị Diễm M đại diện cho ông T2 kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn do bà Mai Thị Ngọc O trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như không đưa vợ ông T2 vào tham gia tố tụng, thời hiệu chia thừa kế đã hết, biên bản định giá không có chữ ký của đại diện Viện Kiểm sát, không xem xét công sức đóng góp của ông T2, bà T5 không nhận di sản thừa kế nhưng vẫn chia di sản cho bà T5 và vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử.

Đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Các đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp trước đây là của ông P, bà B sử dụng. Sau khi ông P, bà B chết thì ông T7 sử dụng, khi ông T7 chết thì ông T2 tiếp tục sử dụng và kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1995.

Thời điểm ông P, bà B chết đã phát sinh thừa kế, ông T2 chỉ là người sử dụng nối tiếp sau khi ông P, bà B và ông T7 chết nên không có quyền tự ý kê khai các phần đất của ông P, bà B.

Tại phiên Tòa người kháng cáo cho rằng tính từ ngày ông P, bà B chết là quá 30 năm nên thời hiệu chia thừa kế không còn là không có căn cứ vì theo quy định tại Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 thì thời hiệu thừa kế tính từ ngày Pháp lệnh có hiệu lực thi hành nên thời hiệu vẫn còn.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào yêu cầu khởi kiện chia thừa kế là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của đại diện bị đơn làm trong thời hạn luật định và có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngoài ra, căn cứ quy định Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế và nội dung của Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 thì trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990. Theo giấy trích lục khai tử của Ủy ban nhân dân xã N thì ông Nguyễn Tấn P (chết năm 1982) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1977). Do đó, nguyên đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất của ông P và bà B là còn thời hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý là đúng pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Theo trình bày của các đương sự thì các thửa đất số 447, 444, 465 tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ đã được Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện P) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 ngày 20/12/1995 cho ông Nguyễn Tấn T2 có nguồn gốc trước đây do ông P và bà B sử dụng. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận ông P, bà B chỉ sử dụng chứ không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh thuộc quyền sử dụng của ông P, bà B.

Phần đất mà nguyên đơn bà T, bà H yêu cầu chia thừa kế thuộc thửa 447 là loại đất lúa, không có tài sản gì của ông P, bà B còn trên đất mà tài sản trên đất hiện nay chỉ có cây trồng của ông T2. Bà T, bà H cũng xác định các bà không phải là người sử dụng đất sau khi ông P, bà B chết.

Sau khi chết, ông P, bà B cũng không để lại di chúc quyền sử dụng đất cho ai. Sau khi ông P, bà B chết thì ông T7 là con sử dụng quyền sử dụng đất này và sau đó đến ông T2 sử dụng đất liên tục cho đến nay.

Năm 1995, ông T2 là người làm đơn xin đăng ký sử dụng đất và có kê khai vào sổ Mục kê ruộng đất của xã N huyện P, thành phố Cần Thơ và Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000261 đối với phần đất do ông T2 đang sử dụng theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình ông T2 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai tranh chấp với ông T2; việc công nhận quyền sử dụng đất là công khai và phù hợp theo trình tự, đúng quy định tại Điều 2 của Luật đất đai năm 1993.

[2.2]. Ngoài ra, căn cứ vào “Giấy Thỏa thuận cho tặng Đất ở” giữa bà T và ông T2 được lập ngày 04/5/2016, nội dung các bên thỏa thuận như sau: “*xác định*

thửa đất được cấp Giấy chứng nhận số 000261 là thuộc quyền sử dụng của ông T2 và ông T2 đồng ý cho bà T một phần diện tích gồm 8m x 20m để làm nhà ở nhưng không được bán hoặc cầm cố. Ông T2 sẽ có trách nhiệm giao đủ đất và cung cấp Giấy tờ để bà T làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất". Như vậy, chính bà Nguyễn Thị Ngọc T đã thừa nhận quyền sử dụng đất mà ông T2 được cấp là tài sản của ông T2, trong đó có thửa đất số 447.

[2.3]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà H, xác định quyền sử dụng đất tại thửa 447, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ thuộc Giấy chứng nhận số 000261 mà Ủy ban nhân dân đã cấp cho ông T2 là di sản của ông P, bà B và chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của ông P, bà B là không đúng.

[2.4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Diễm M và ý kiến của bà Mai Thị Ngọc O trình bày tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Đối với ý kiến của đại diện bị đơn nêu tại phiên tòa phúc thẩm về các vi phạm thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: tại phiên tòa phúc thẩm, phía đại diện bị đơn có cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn của ông T2 và bà Phạm Thị Tuyết L kết hôn ngày 03/5/1988; ông T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 nên đáng lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh tình trạng hôn nhân của ông T2 để đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng và các sai sót như bà T5 trình bày từ chối nhận di sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chia di sản cho bà T5, Biên bản định giá thiếu chữ ký của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cần Thơ và vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử như đại diện bị đơn trình bày là có căn cứ nhưng nay cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung quyết định của vụ án nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4]. Các nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với các nhận định trên nên không được chấp nhận.

[5]. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc H không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng tổng cộng là 10.102.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng số tiền này và đã chi xong nên bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn lại cho bà T số tiền là 5.051.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc H là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị N3 mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.700.000 đồng theo các biên lai thu số 001174 và biên lai thu số 001173 cùng ngày 16/8/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, sửa án sơ thẩm nên không ai phải chịu.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ, phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn T2, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990;

Căn cứ các Điều 612, 613, 623 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật Đất đai năm 1993.

Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu mỗi người được chia 1/5 diện tích 1580,5m² đất tương đương với 305,2m² tại thửa đất số 447 Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

1.2. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 10.102.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng số tiền này nên bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn lại cho bà số tiền 5.051.000 đồng.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Thị Ngọc H được miễn. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người 4.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 001174 và 001173 cùng ngày 16/8/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải nộp. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T2 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Diễm M đại diện nộp theo Biên lai thu số 001850 ngày 14/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Thị Cúc